

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HSST  
Ngày: 07/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Đức Tuệ và ông Nguyễn Viết Tác

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Du, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:*** Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Bàn Văn L (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 02/8/1971 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bàn Văn Tr và con bà Bàn Thị L; vợ: Chu Thị Nh; con: có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: tốt; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Bà Hoàng Thị Thu H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

***- Nguyên đơn dân sự:*** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lục Văn Ch, Chức vụ: Phó Trưởng phòng- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Bà Chu Thị Nh, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2021, Trạm kiểm lâm B thuộc Hạt Kiểm lâm huyện C, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng (qua đo đạc sơ bộ ban đầu xác định được tổng diện tích rừng bị phát phá là 22470m<sup>2</sup>) với 03 điểm phát phá khác nhau tại các lô 3, 4, 11, 14 khoảnh 2, Tiểu khu 333 thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị người dân phát phá trái phép cây cối tự nhiên lấy mặt bằng để canh tác, trồng trọt. Quá trình điều tra, xác minh ban đầu xác định diện tích rừng bị phát phá ở trên là do Bàn Văn L, sinh năm 1971 trú tại thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn một mình trực tiếp phát phá trái phép vào khoảng tháng 11 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021 với mục đích để lấy đất canh tác (trồng rừng).

Ngày 17/12/2021, Hạt kiểm lâm huyện C đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C để tiến hành điều tra, xác minh theo quy định.

Ngày 13/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xã B và những người có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS - MAP 78) để đo đạc, thống kê xác định tổng diện tích rừng bị Bàn Văn L phát phá trái phép tại các lô 3, 4, 11, 14 khoảnh 2, Tiểu khu 333 thuộc Pác P, xã Bình Tr, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là 19.015m<sup>2</sup> (mười chín nghìn không trăm mười năm mét vuông), cụ thể: **Điểm phát phá thứ nhất** tại lô 3, 4 là 6.589m<sup>2</sup> (sáu nghìn năm trăm tám mươi chín mét vuông), trong đó: lô 3 là 6.130m<sup>2</sup> (sáu nghìn một trăm ba mươi mét vuông); lô 4 là 459m<sup>2</sup> (bốn trăm năm mươi chín mét vuông); **Điểm phát phá thứ hai** tại lô 3, lô 4, lô 11 là 8.169 m<sup>2</sup> (tám nghìn một trăm sáu mươi chín mét vuông), trong đó: lô 3 là 759m<sup>2</sup> (bảy trăm năm mươi chín mét vuông); lô 4 là 6.652m<sup>2</sup> (sáu nghìn sáu trăm năm mươi hai mét vuông); lô 11 là 758m<sup>2</sup> (bảy trăm năm mươi tám mét vuông); **Điểm phát phá thứ ba** là tại lô 14 thuộc khoảnh 2, tiểu khu 333 tổng diện tích phát phá 4.257 m<sup>2</sup> (bốn nghìn hai trăm năm mươi bảy mét vuông). Trên toàn bộ diện tích rừng bị phát phá trái phép đã được đốt dọn và trồng cây mỡ. Tổng số lâm sản bị thiệt hại qua kiểm đếm tại hiện trường có tổng số 94 gốc cây gỗ tự nhiên và qua điều tra ô tiêu chuẩn xác định tổng số cây vầu bị chặt phá là 8095 cây (trong đó điểm phát phá thứ nhất có 4691 cây, điểm phát phá thứ hai có 1225 cây, điểm phát phá thứ ba có 2179 cây). Tiến hành kiểm tra, đối chiếu với Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số: 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019, 2020 trên địa bàn huyện C ban hành theo Quyết định số: 489/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 và Quyết định số: 278/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 của UBND

huyện C thì toàn bộ diện tích rừng do Bàn Văn L phát phá là rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (lô 3, 11 là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi; Lô 4, 14 là rừng vầu tự nhiên núi đất).

Quá trình điều tra, truy tố Bàn Văn L khai nhận: Trong thời gian từ khoảng tháng 11 năm 2020 đến khoảng tháng 4 năm 2021, L một mình đi bộ từ nhà vào khu vực rừng của gia đình được UBND huyện C giao cho theo theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 456326 do UBND huyện C cấp ngày 06/01/2009 thuộc thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn rồi trực tiếp sử dụng dao chặt, phát các cây gỗ tự nhiên có kích thước nhỏ, cây vầu, cây dây leo và sử dụng máy cưa xăng cắt đổ những cây gỗ tự nhiên có kích thước lớn trên một phần diện tích rừng L được giao. Sau khi phát phá xong thì L đã tiến hành đốt dọn và trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích L phát phá được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: “4691 cây vầu tại vị trí phát phá thứ nhất có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2020 là 11.503.200đ (mười một triệu năm trăm linh ba nghìn hai trăm đồng); 1225 cây vầu tại vị trí phát phá thứ hai có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2020 là 2.900.700đ (hai triệu chín trăm nghìn bảy trăm đồng); 2179 cây vầu tại vị trí phát phá thứ ba có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2020 là 4.992.300đ (bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng). Tổng giá trị tài sản sau khi định giá là 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng)”.

Tại Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSCĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Bàn Văn L về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Điều 243 có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 10.000 mét vuông ( $m^2$ );

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 50.000 mét

vuông (m<sup>2</sup>);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

\* Trong phần tranh luận đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bàn Văn L phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo L mức án 3 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm).

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Không phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn đã cử ông Lục Văn Ch – Phó trưởng Phòng, Phòng NN và PTNT huyện đại diện tham gia tố tụng và yêu cầu Bàn Văn L phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) theo kết luận định giá tài sản. Ghi nhận bị cáo đã nộp tạm ứng số tiền 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Đối với số lâm sản (các cây tự nhiên) và 8095 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Bàn Văn L phát phá trái phép do đã bị L đốt dọn, mục nát nên quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được.

Đối với 01 (một) máy cưa có tay cầm màu đen, vỏ hộp màu đen, trắng, xanh trên phần vỏ nhựa có chữ “YOKOHAMA YK - 955”, phần lưỡi lam màu nâu trắng có chữ “STIKL” màu đen, tổng chiều dài của thân máy và lưỡi lam là 84,1cm, cưa đã qua sử dụng tạm giữ của Bàn Văn L là công cụ phương tiện phạm tội đề nghị tịch hóa giá sung quỹ nhà nước; 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại, màu nâu đen, dài 53,7cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, cán dao gỗ dài 22,8cm, dao đã qua sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH bị cáo thuộc diện gia đình hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp án phí nên bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

\* Người bào chữa cho bị cáo trình bày bản luận cứ bào chữa, đề nghị: Nhất trí về tội danh cáo trạng truy tố và điều luật áp dụng đề nghị tại phiên tòa của Viện kiểm sát. Xét hoàn cảnh bị cáo là dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn có phần hạn chế, sau khi phạm tội đã cùng gia đình tự nguyện khắc phục hậu quả

(trồng lại cây trên diện tích bị phát phá, nộp toàn bộ số tiền thiệt tại Chi cục Thi hành án dân sự để đảm bảo thi hành án), thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội do lạc hậu đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

\* Đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) theo kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận:

Do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên vào khoảng tháng 11 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, Bàn Văn L đã có hành vi dùng dao và máy cưa xẻng phát phá trái phép 19.015m<sup>2</sup> (mười chín nghìn không trăm mười năm mét vuông) diện tích rừng tự nhiên, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi và rừng vầu tự nhiên núi đất, gây thiệt hại 8095 cây vầu có giá trị 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tại các lô 3, 4, 11, 14 khoảnh 2, Tiểu khu 333 thuộc Pác P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án (Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản kiểm tra, đối chiếu toàn bộ diện tích rừng bị phát phá trái phép của Hạt kiểm lâm huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, chính quyền địa phương xã B và Viện kiểm sát huyện C). Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi phát phá trái phép rừng với diện tích 19.015m<sup>2</sup> (mười chín nghìn không trăm mười năm mét vuông) là vi phạm pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 39/CT-VKSCĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của Bàn Văn L là nghiêm trọng, xâm hại đến hoạt động quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước trên địa bàn, gây tác hại đến môi trường sinh thái, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương do đó cần xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục răn đe bị cáo đồng thời đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích L phát phá được, đã tự nguyện nộp số tiền 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự nhằm để đảm bảo thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo, bị cáo có bố đẻ là ông Bàn Văn Tr (tên gọi khác Bàn Văn Ch) là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã trồng cây mỡ trên toàn bộ diện tích L phát phá được nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, song vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong vụ án này mặc dù bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Bản thân bị cáo được học hết lớp 07/10, được tiếp cận thông tin hàng ngày qua truyền thanh, truyền hình, mạng internet và thông tin truyền truyền...biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vì vậy, quan điểm của người bào chữa đưa ra không đảm bảo tính pháp lý, có căn cứ cho việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo. Do đó HĐXX không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy: Công việc chính của bị cáo là sản xuất nông - lâm nghiệp, thu nhập thấp chỉ đủ đảm bảo ổn định cuộc sống. Do đó Hội đồng xét xử thấy

không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 19.396.200đ (mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng). Xét yêu cầu đề nghị của nguyên đơn dân sự là chính đáng phù hợp với thực tế thiệt hại xảy ra nên được chấp nhận toàn bộ.

Ghi nhận trước khi tòa án mở phiên tòa xét xử bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 19.396.200đ đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường. Số tiền 19.396.200đ bị cáo đã nộp là tự nguyện cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về vật chứng:

Đối với số lâm sản (các cây tự nhiên) và 8095 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Bàn Văn L phát phá trái phép do đã bị L đốt dọn, mục nát nên quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được.

Đối với 01 (một) máy cưa có tay cầm màu đen, vỏ hộp màu đen, trắng, xanh và 01 (một) dao đã qua sử dụng tạm giữ của Bàn Văn L. Đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tịch thu 01 (một) máy cưa để hóa giá sung quỹ nhà nước, tịch thu 01 (một) con dao để tiêu hủy.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Chu Thị Nh, (vợ của Bàn Văn L) là người cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà Bàn Văn L phát phá trái phép. Quá trình điều tra xác định bà Nhung không biết việc L phát phá diện tích rừng trên và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét, xử lý là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Bàn Văn L phạm tội “Hủy hoại rừng”.

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt Bàn Văn L 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm), thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự toàn bộ số tiền bị thiệt hại là 19.396.200đ (Mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng).

Ghi nhận bị cáo đã nộp số tiền 19.396.200đ (Mười chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tại Chi cục Thi hành dân sự huyện C để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

Việc thi hành án khoản tiền phạt bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước Đối với 01 (một) máy cưa có tay cầm màu đen, vỏ hộp màu đen, trắng, xanh trên phần vỏ nhựa có chữ “YOKOHAMA YK - 955”, phần lưỡi lam màu nâu trắng có chữ “STIKL” màu đen, tổng chiều dài của thân máy và lưỡi lam là 84,1cm, cưa đã qua sử dụng tạm giữ của Bàn Văn L;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao (loại dao quắm) bằng kim loại, màu nâu đen, dài 53,7cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, cán dao gỗ dài 22,8cm, dao đã qua sử dụng tạm giữ của Bàn Văn L.

Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chờ xử lý.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

- Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0001282 ngày 01/7/2022 và số tiền 17.396.200đ (mười bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm đồng) tại biên lai thu tiền số 0001294 ngày 06/9/2022 bị cáo Bàn Văn L đã nộp tại Chi cục Thi hành dân sự huyện C để đảm bảo thi hành án khoản tiền bồi thường cho nguyên đơn dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Điều 136/Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Bị cáo Bàn Văn L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.



"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện C;
- CA huyện C;
- THADS huyện C;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Người có QL,NVLQ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hiến Công Hanh**